BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

THỊ XÃ PHƯỚC LONG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

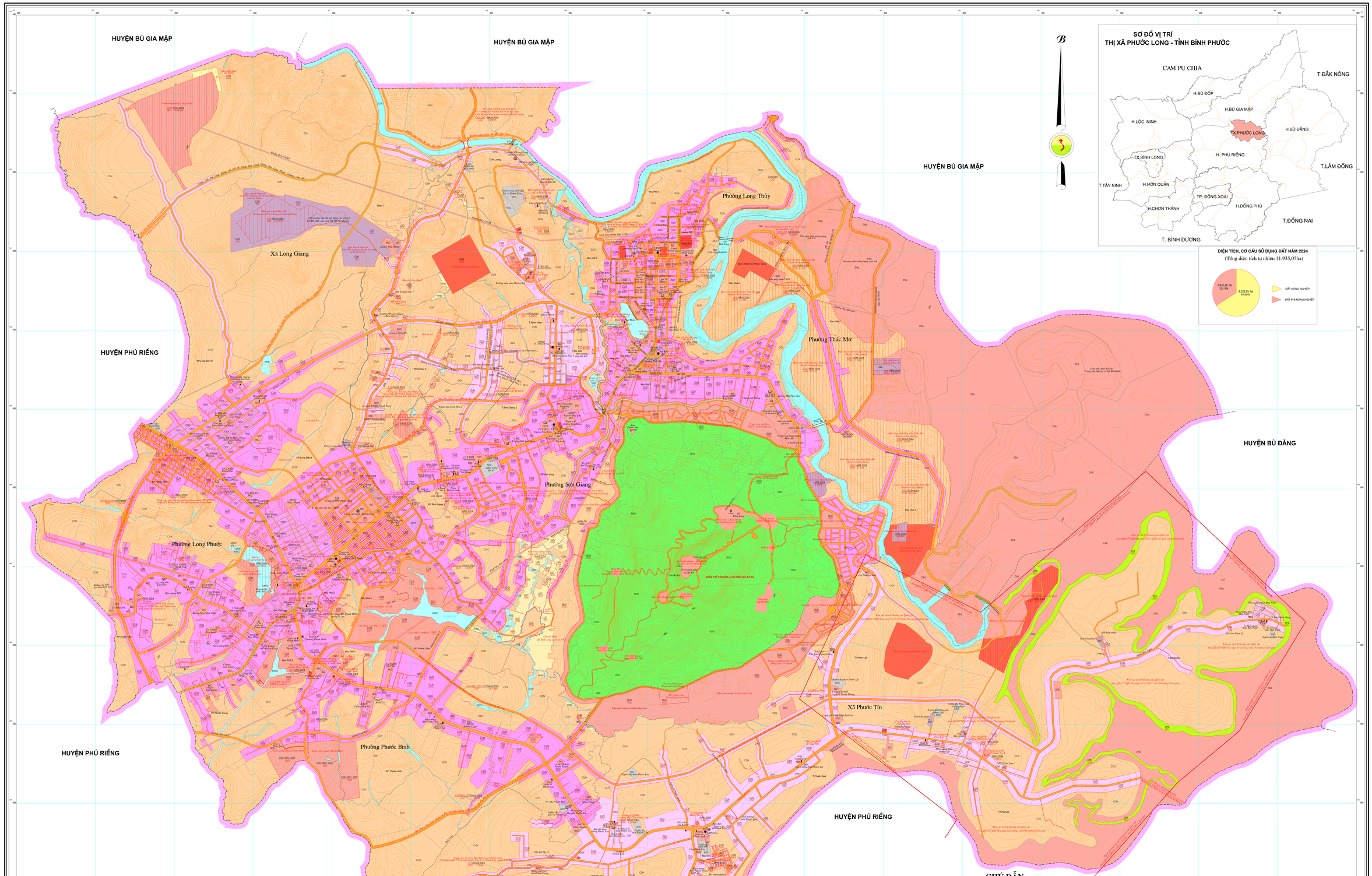

Bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước
Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
(Bản đồ phục vụ công bố kế hoạch)

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	UBND THỊ XÃ PHƯỚC LONG	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TỔNG HỢP MÊ KÔNG XANH
Bình Phước, ngày 29 tháng 10 năm 2024	*Bình Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2024*	*Phước Long, ngày 09 tháng 10 năm 2024*	*TP. HCM, ngày 25 tháng 9 năm 2024*
KT. CHỦ TỊCH **PHÓ CHỦ TỊCH** *(Đã ký)* **TRẦN VĂN MI**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** *(Đã ký)* **DIỆP TRƯỜNG VŨ**	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** *(Đã ký)* **NGUYỄN VIỆT HOÀNG**	**GIÁM ĐỐC** *(Đã ký)* **BÙI THANH QUANG**

CHÚ DẪN

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN NĂM 2030	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	TÊN KÝ HIỆU
LUA	mã HT LUA		Đất trồng lúa
LUC	mã HT LUC		Đất chuyên trồng lúa nước
HNK	mã HT HNK	Mã LH Năm KH HNK (T)	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	mã HT CLN	mã LH Năm KH CLN(T)	Đất trồng cây lâu năm
	mã HT RPH		Đất rừng phòng hộ
RDD			Đất rừng đặc dụng
NTS			Đất nuôi trồng thủy sản
	mã HT NKH		Đất nông nghiệp khác
CQP	mã HT CQP	Mã LH Năm KH CQP (T)	Đất quốc phòng
CAN	mã HT CAN	Mã LH Năm KH CAN (T)	Đất an ninh
	mã HT SKN	Mã LH Năm KH SKN (T)	Đất cụm công nghiệp
TMD	mã HT TMD	Mã LH Năm KH TMD (T)	Đất thương mại dịch vụ
SKC	mã HT SKC	Mã LH Năm KH SKC (T)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN NĂM 2030	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	TÊN KÝ HIỆU
SKS	mã HT SKS		Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
SKX	mã HT SKX	Mã LH Năm KH SKX (T)	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DGT	mã HT DGT	Mã LH Năm KH DGT (T)	Đất giao thông
DTL	mã HT DTL	Mã LH Năm KH DTL (T)	Đất thuỷ lợi
DVH	mã HT DVH	Mã LH Năm KH DVH (T)	Đất xây dựng cơ sở văn hóa
DYT	mã HT DYT	Mã LH Năm KH DYT (T)	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	mã HT DGD	Mã LH Năm KH DGD (T)	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	mã HT DTT	Mã LH Năm KH DTT (T)	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao
DNL	mã HT DNL		Đất công trình năng lượng
DBV	mã HT DBV		Đất công trình bưu chính viễn thông
DCH		Mã LH Năm KH DCH (T)	Đất chợ
TON	mã HT TON	Mã LH Năm KH TON (T)	Đất cơ sở tôn giáo
DDT	mã HT DDT	Mã LH Năm KH DDT (T)	Đất có di tích lịch sử - văn hoá

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HIỆN NĂM 2030	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	TÊN KÝ HIỆU
NTD	mã HT NTD	Mã LH Năm KH NTD (T)	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DRA	mã HT DRA	Mã LH Năm KH DRA (T)	Đất bãi thải, xử lý chất thải
	mã HT DKV		Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội
DSH	mã HT DSH	Mã LH Năm KH DSH (T)	Đất sinh hoạt cộng đồng
DKV	mã HT DKV	Mã LH Năm KH DKV (T)	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	mã HT ONT	Mã LH Năm KH ONT (T)	Đất ở tại nông thôn
ODT	mã HT ODT	Mã LH Năm KH ODT (T)	Đất ở tại đô thị
TSC	mã HT TSC	Mã LH Năm KH TSC (T)	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	mã HT DTS		Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
TIN	mã HT TIN		Đất cơ sở tín ngưỡng
SON			Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
MNC	mã HT MNC		Đất có mặt nước chuyên dùng
PNK			Đất phi nông nghiệp khác

KÝ HIỆU HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU QUY HOẠCH	TÊN KÝ HIỆU
		Đường giao thông
		Trụ sở UBND thị xã
		Trụ sở UBND xã, phường
		Trường học
		Nhà thờ
		Đình, chùa, miếu, đền
		Bệnh viện, trạm y tế
		Bưu điện
		Nơi vận động
		Cầu bê tông
		Cầu treo
mã HT ODT Năm KH ODT (T)		Khoanh đất thực hiện trong năm kế hoạch; Năm KH - Năm kế hoạch DT - Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)
		Ranh giới tỉnh
		Ranh giới huyện, thị xã
		Ranh giới xã, phường
278		Đường bình độ, độ cao
		Sông, suối
		Ranh giới khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

NGUỒN DỮ LIỆU:
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Phước Long
- Bản đồ địa chính các xã, phường của thị xã Phước Long
- Kết quả điều tra nhu cầu sử dụng đất các xã, phường, các ngành cấp thị xã - tỉnh

TỶ LỆ 1 : 10.000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG
Công ty cổ phần tư vấn tổng hợp Mê Kông Xanh